

PHẨM NĂM ẤM THỨ TƯ

Trên đã quán sáu tình. Nay, lại quán năm ấm: Vì được ngộ bất đồng, nên phải nói về quán hạnh. Hai là, các kinh Phương Đẳng nói về ấm, nhập giới, là “không”. Nay muốn giải thích kinh trải qua các nghĩa “không”.

Trên đã nói về giới, nhập, “không”. Nay, kế là, quán năm ấm.”

Hỏi: “Vì sao kinh nói ấm, nhập giới” là không” ư?

Đáp: “Kinh Đại Tập nói: “Các ma bảo Xá-Lợi-Phất múa. Thân tử đáp: “Người múa đi; Ta sẽ ca ca rằng: “Nay, ta không cầu ấm, giới, nhập, vì từ vô lượng đời đến nay đều luống dối. Nếu có người nào tham cầu pháp như thế, thì người đó không bao giờ được giải thoát!”. Ma nghe ca hát xong, liền phát tâm Bồ-đề”. Nên biết chấp ấm, giới, nhập, không được giải thoát; biết bản tánh của chúng là “không”, thì sẽ được đạo.”

Lại, như kinh Đại Phẩm nói Bồ-tát Tập ứng với Ba-Nhã, đầu tiên dạy, tức nói rằng: “Tập sắc “không”, thọ, tưởng, hành, thức “không”, đây gọi là tương ứng với Ba-Nhã.” Đức Phật ở đời, người căn cơ nhạy bén, nghe thẳng sắc, “không”, liền được đắc đạo. Nay, vì người căn cơ chậm lụt, nói rộng, giải thích, sao cho họ được tương ứng với Ba-Nhã. Thế, nên phải quán năm ấm.”

Hỏi: “Kinh luận Đại, Tiểu thừa đều trước nói năm ấm; kế là, mười hai nhập; sau mười tám giới.

Phẩm sáu tình ở trên, đã phá đủ giới, nhập. Kệ rằng:

*“Sáu tình: như mắt thấy
Làm sáu trần sắc thấy
Tức nghĩa mười hai nhập.”*

Kệ sau rằng:

*“Bốn pháp thức thấy không,
Tức nói không sáu thức
Tức là phá mười tám giới”.*

Nay, vì sao trước phá giới, nhập, sau quán năm ấm?”

Đáp: “Nhân Duyên “đến”, “đi”, giải thích đầu, cuối của “tám không”, tức nói tất cả pháp “không”. Người ngoài vì không chấp nhận tất cả pháp “không”, nên dẫn mười hai nhập do Phật đã nói, gồm sáu nhập tất cả pháp, để chứng minh tất cả pháp đều là “có”, nên trước phá mười hai nhập và mười tám giới. Giới, nhập đã được phá xong, bắt đầu sẽ được quán năm ấm “không”.

2) Móc xích tiếp nối sinh nhau: “Phẩm Nhân Duyên nói tất cả pháp vô sinh.” Người ngoài nêu hiện sự “đến”, “đi”, để chứng minh có vạn pháp” Đã phá “không” đối tượng thấy “đến”, “đi”; kế là, nêu, chủ thể thấy để bào chữa. Cho nên, tiếp theo là, phá tác dụng của sáu tình. Sau khi phá tác dụng của sáu tình xong, lại dẫn thể của pháp năm ấm để chứng minh có tác dụng, nên nay, sẽ phá thể của ấm:

Khai, hợp của ấm, nhập: Dựa theo Tỳ-đàm: Dùng mười thứ sắc nhập trong mười hai nhập và phần ít sắc vô tác trong pháp nhập: để làm sắc ấm, ý nhập tức thức ấm. Pháp nhập trừ vô vi, lấy tướng, thọ làm hai ấm; ấm còn lại, tức hành ấm.

Khai, hợp ấm và giới: mười sắc trong mười tám giới và phần ít sắc vô tác của pháp giới làm sắc ấm. Bảy tâm Giới là thức ấm. Trong pháp giới, trừ vô vi, lấy hai tâm sở tướng, thọ dùng làm hai ấm, ấm còn lại là hành ấm.

Khai, hợp giới, nhập: Năm căn, năm trần và hai môn pháp nhập tương tự, chỉ khác với chia ra ý nhập thành bảy tâm giới mà thôi”

Hỏi: “Vì sao chấp nghiêng về hai tâm sở tướng, thọ làm hai ấm?”

Đáp: Tóm tắt có hai nghĩa:

1) Tướng năng sinh chấp; thọ năng sinh ái.

2) Tướng tu vô sắc; thọ tu Sơ thiền.

Vì có năng lực mạnh mẽ này, nên chấp nghiêng về.

Luận Thành Thật nói mười bốn thứ sắc là sắc, ấm: năm căn, năm trần, và bốn đại.”

Tỳ-đàm cho bốn đại là pháp thật, nên thuộc về xúc trần. Thành Thật thì bảo xúc là pháp thật, bốn đại là giả, nên lìa giả. Bộ Đàm Ma Đa La chỉ nói mười thứ sắc vô hữu vô tác, đều khác với Số luận. Kế là, Đại thừa có ba giải thích:

1) “Quả Phật có sắc, nên kinh Niết-bàn nói: “Bỏ sắc vô thường, được sắc thường.”

2) “Quả Phật vô sắc mà kinh nói “có” sắc, đó là vi diệu hữu rõ ràng, nên nói là sắc.”

3) Giải thích: “Từ thất địa trở lên, ở đây tức có sắc. Bát địa trở lên, không còn sắc nữa, cũng không có bốn tâm, nên Địa kinh nói: “Lúc bấy giờ, vượt qua ý giới, trụ trong trínhhiệp.”

Gọi chung ấm: “Ấm che lấp làm nghĩa. Vì có năm ấm này che lấp chúng sinh, nên không được giải thoát. Như chim sẻ bị nhốt trong chiếc bình, lại còn đập miệng bình lại, nên nói là ấm.”

Lại nói: “Ấm, là ấm sát. Nghĩa ấy là đứng đầu về sát, vì năm pháp này giết hại tuệ mạng, cho nên trong kinh dụ cho Chiên-đà-la.”

Pháp sư La-thập, về sau, dịch ấm là năm chúng, bởi năm pháp này tụ tập chung, hình thành con người, gọi là chúng. ”. Lại, năm pháp này, mỗi pháp đều có rất nhiều chúng, như sắc ấm có vô lượng sắc, bốn ấm còn lại cũng vậy, nên gọi là chúng.”

Hỏi: “Quán năm ấm thế nào?”

Đáp: “Chúng sinh đã thọ thân năm ấm, thường bị làm hại. Như kinh Niết-bàn nói: “Quán sát-năm ấm như năm Chiên-đà-la, thậm chí còn hơn Chiên-đà-la, mà nội, ngoại đạo, Đại Tiểu thừa lại chấp bưng bít mọi thứ thuyết kỳ dị của năm ấm: hoặc nói trước, sau; cùng một lúc; hoặc nói quả Phật “có” sắc, “không” sắc nên nội, ngoại đạo, Đại Tiểu thừa đều xảy ra tranh luận lẫn nhau, mỗi bên đều chấp pháp của mình cho là đúng, còn thuyết của người khác là sai. Những hạng người này như thế, không thể loại trừ được Chiên-đà-la, mà đối với năm ấm còn sinh ra các kiến, tức là trên Chiên-đà-la, lại nổi dậy Chiên-đà-la nữa. Nay, Luận chủ đã quán năm ấm rất ráo không thể. Đã không thật có năm ấm, cũng chẳng có không là năm cũng năm, không là năm; chẳng phải năm, không là năm. Như kinh Đại Phẩm nói: “Hành cũng không thọ; không hành cũng không thọ. Hành, không hành cũng không thọ. Chẳng phải hành, chẳng phải không hành, cũng không thọ, cho đến không thọ cũng không thọ. Đó gọi là tam-muội vô thọ của Bồ-tát, không chung với Thanh văn, Bích Chi Phật.”

Hỏi: “Năm trường hợp không thọ này sẽ quy về đâu?”

Đáp: “Nếu người nào tỏ ngộ được như thế, thì người đó sẽ được trở về quê cũ, Cho nên kinh nói: “Bản tế là quê hương, quan điểm tuyệt đối là dậm, mà chúng sinh nhậm vận thọ ấm thân này, đã quên mất quê hương xưa. Nay, người học Đại, Tiểu thừa đối với pháp năm ấm, còn nổ ra cuộc tranh luận. Đây là trong sai lầm lại càng thêm sai lầm! Nên vượt bỏ thành càng xa, ngõ rẽ càng nhiều. Lại, nếu biết được năm ấm “không”, tức là đã bỏ Chiên-đà-la, lại từ bỏ sắc vô thường, đạt được sắc “thường”. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như thế.”

Hỏi: “Làm sao được như vậy?”

Đáp: “Vì tỏ ngộ rõ ràng sắc ấm sinh diệt, không thật có, tức sắc vô thường bất sinh. Sắc sanh diệt đã bất sinh, thì sắc vô sinh diệt sẽ hiển hiện, nên kinh Đại Phẩm nói: “Nếu các pháp sinh, tức Ba-Nhã bất sinh. Vì Ba-Nhã sinh, nên các pháp tức bất sinh.”

Hỏi: “Nếu quán năm ấm rất ráo “không”, thì vì sao kinh Phật lại

chia ra năm ấm?”

Đáp: “Sở dĩ chia ra năm ấm, là vì Phật muốn nhờ sự phân chia đó mà biết năm ấm là “không”, mà đồ chúng lại bưng bít giáo, không lãnh hội được ấm “không”, chỉ có phân biệt, nên đã đánh mất ý Phật. Lại, có đối tượng phân biệt làm ngăn che tuệ nhãn. Vì che lấp tuệ nhãn, nên đã không thể phân biệt như thật. Nếu dứt phân biệt, tức loại trừ chướng phân biệt, do đó, nên chánh quán nhãn khai phóng, được trí tuệ thật. Đã được thật trí, thì được quyền trí, có công năng phân biệt khéo léo trong vô phân biệt. Dù rằng còn phân biệt, nhưng vẫn không hề phân biệt, nên Bảo Tích khen rằng: “phân biệt khéo léo các pháp tướng đối với đệ nhất nghĩa, mà không dao động.”

Hỏi: “Tỳ-đàm cũng thừa biết năm ấm vô thường, khổ, không, vô ngã, vì năm ấm từ nhân sinh, nên vô thường; năm ấm là con dao bén của bốn tướng. Vì trái với tánh trụ của chúng, nên phải khổ; vì vô thường ép ngặt chúng, không được tự tại, nên vô ngã. Vì vô “ngã”, nên “không”.

“Không” khác với vô ngã: Vì không có “lia” “ấm ngã”, nên nói là “không”. Vì không “tức” “ngã” “ấm”, nên là vô “ngã”, so với quán hạnh của Đại thừa có khác nhau chăng?”

Đáp: “Tỳ-đàm quán sát-năm ấm, chỉ được “nhân không”, chưa được “pháp không”, nên năm Chiên-đà-la đều chưa diệt. Đại thừa không chỉ biết vô ngã trong năm, mà đồng thời cũng thừa biết không có năm ấm, nên bắt đầu lia năm.”

Hỏi: “Luận Thành Thật nói: “Biết do năm ấm hình thành giả gọi là “nhân không”, lại nói pháp thật của năm ấm cũng “không”, đâu khác gì với Đại thừa?”

Đáp: “Ba tạng phần nhiều nói về “nhân không”, ít nói “pháp không”. Đại thừa đa số nói về “pháp không”, ít nói về “nhân không”, vì sao? Vì Tiểu thừa còn biết “nhân không”, hướng chi Đại thừa?, cho nên Đại thừa phần nhiều nói “pháp không”, cho nên là khác. Do ba tạng kinh phần nhiều nói về “nhân không”, ít nói “pháp không”.

Tỳ-đàm, Thành Thật đều học ba tạng, nên có được “nhân không”, “pháp không”. Lại, Tiểu thừa dù nói hai “không”, nhưng vẫn chưa tỏ ngộ được năm ấm xưa nay vắng lặng. Như kinh Pháp Hoa nói: “Từ xưa đến đây, tánh các pháp thường tự vắng lặng. Phật tử thực hành đạo xong, đời sau sẽ được thành Phật. Vì chưa được xưa nay vắng lặng, nên chưa trở về quê cũ. Vì thế, nên Nhị thừa vẫn còn đứng ở ngoài cổng, nên vẫn còn bị sinh tử biến dịch.

Lại, Nhị thừa tuy biết năm ấm “không”, nhưng không biết năm ấm tức là Phật tánh. Kinh Niết-bàn nói: “Phật tánh của chúng sinh ở trong năm ấm.”

Hỏi: “Nếu có Phật tánh riêng trong năm ấm, thì có khác gì với có “ngã” trong ấm của ngoại đạo ư?”

Đáp: “Hiểu rõ năm ấm của chúng sinh kia xưa nay vắng lặng, gọi là Phật tánh, không khác gì có Phật tánh trụ ở ấm thân.”

- Phẩm có chín bài kệ, được chia làm hai:

1) Bảy bài kệ đầu, tìm năm ấm rất ráo “không”.

2) Hai kệ sau, khen ngợi rất ráo “không”.

“Năm trăm bộ Tiểu Thừa nghe nói năm ấm rất ráo “không”, như dao đâm vào tim; Đại sĩ nghe nói cảm thấy vui mừng, cho nên khen ngợi.”

Kinh Pháp Hoa nói: “Lại, có người trụ thiền, được năng lực thần thông, nghe các pháp “không”, tâm rất vui mừng cho nên khen ngợi.”

Bảy bài kệ được chia làm hai: Sáu bài kệ đầu quán sắc ấm là “không”; một bài kệ tiếp theo là, quán bốn ấm “không”. Vì sắc ấm thô, tỏ rõ, nên quán trước; bốn tâm ấm mờ tối, nên phá sau. Lại, sắc ấm ở đầu; bốn tâm ở sau. Lại, phẩm khứ lai, lục tình quán dụng của sắc ấm không thật có. Nay, kể là, quán thể của sắc là “không”; quán sắc được chia làm ba:

1) Ba bài kệ làm thành môn nhân quả không lìa nhau để phá.

2) Hai bài kệ nói môn có nhân, không nhân để phá.

3) Một bài kệ, lập môn tương tự, không tương tự để phá.

Ba bài kệ lại chia làm hai: Bài kệ đầu, nêu môn chương; hai bài kệ giải thích môn chương. Môn chương được chia làm hai:

Nửa bài bài kệ trên: môn chương lìa nhân, không có quả.

Nửa bài bài kệ dưới: môn chương lìa quả, không có nhân.

Hỏi: “Thế nào là nhân quả của sắc ư?”

Đáp: “Nếu tức sự mà nói, thì đầu, chân là nhân; thân bảy thức là quả. Nếu y cứ nghĩa, thì như ngoại đạo nói: Từ năm trần sinh năm đại; năm đại sinh mười một căn; mười một căn sinh sắc thân. Sắc thân là quả, căn, đại khác là nhân.”

Người của Số luận nói: “Bốn đại tạo năm căn, bốn đại là nhân; năm căn là quả.”

Luận Thành Thật nói: “Bốn cực vi hình thành bốn đại; bốn đại hình thành năm căn và năm căn tạo thành sắc ấm, sắc ấm là quả; còn các ấm khác đều là nhân.”

Số luận đồng cho nghiệp thiện, ác ở quá khứ sinh ra quả báo này.”

Hỏi: “Nhân quả đã không lia nhau, thì làm sao phá?”

Đáp: “Người ngoài nói: “Vì sắc và nhân của sắc làm nhân cho nhau mà có. Luận chủ nói: Chỉ vì nhân của sắc và sắc làm nhân cho nhau, nên “không”, vì làm nhân cho nhau, nên không có tự tánh. Không có tự tánh, tức rất ráo “không”. Sắc vốn không có tự “thể”, vì Nhân Duyên nên sinh, dùng hành nghiệp quá khứ làm nhân; bốn đại đời nay làm duyên, nhờ vào Nhân Duyên này nên có sắc, phải biết rằng, sắc tức là “không”. Như dùng mặt làm nhân, gương soi làm duyên. Hình tượng ảnh hiện trong gương, mà hình tượng rất ráo là “không”.

Lại, phẩm Bốn đế nói: “Quả từ tội, phước sinh, sao lại nói là bất “không”? Ở đây, giải thích kinh rằng: “Sắc tức là “không”, chỉ từ nhân sinh, cho nên “không”.

Văn xuôi nói: “Trừ chỉ ra, thì không có vải, mà chỉ, vải làm nhân lẫn nhau. Nhưng người mê hoặc phần nhiều chấp một bên, nghĩa là lia chỉ không có vải, vải là do chỉ dệt thành, mà không tin lia vải không có chỉ, nói rằng, chỉ không do vải tạo thành, nên trừ vải, có chỉ.”

Nay, nói: “Chỉ, vải làm nhân cho nhau, cũng là một ví dụ thôi. Nay hỏi:

“Ông đã có chỉ “tức” vải, lại có chỉ “khác” vải, lẽ ra cũng có vải “tức” chỉ, vải lia chỉ. Nếu chỉ “tức” vải, thì chỉ này thành vải. Vải chỉ của lia, chỉ này sẽ không thành vải, lẽ ra cũng có vải “tức” chỉ, vải này thành chỉ. Vải khác với chỉ, thì vải này không thành chỉ.”

Hỏi: “Sao là chỉ “tức” vải, chỉ “khác” vải?”

Đáp: “Dùng chỉ dệt thành vải là chỉ “tức” vải. Không dùng chỉ để dệt thành vải, là chỉ “khác” với vải. Nay, nhân vải có chỉ, đây là lia vải không có chỉ; không nhân vải, có chỉ, đây là chỉ lia vải.”

Hỏi: “Nếu lia nhân của sắc có sắc v.v... trở xuống, sinh ra kệ thứ hai, nên phát ra câu hỏi. Nếu đối với Số luận, thì nhân quả của nhân báo, nhân diệt trước, quả sinh sau, tức là lia nhân của sắc có sắc.

Nếu đối với Tỳ-đàm thì bốn đại là chủ thể tạo; sắc là đối tượng tạo. Thể của chúng đã “khác”, cũng gọi là lia.”

Luận Thành Thật cho rằng: “Bốn trần là pháp thật; bốn đại và năm căn đều là giả danh. Giả, thật là “khác”, cũng là nghĩa lia.”

Trong phần đáp được chia làm hai:

Nửa bài kệ trên, nói lia nhau, tức rơi vào vô nhân.

Nửa bài kệ dưới, chỉ rõ lỗi vô nhân, văn dễ thấy.

Văn xuôi, trước giải thích về vô nhân của nửa bài kệ trên, từ vô nhân mà có pháp. Kế là, giải thích nửa bài kệ dưới, được chia ra làm sáu:

- 1) Giải thích
- 2) Bào chữa
- 3) Phá bào chữa
- 4) Lại Bào chữa
- 5) Lại Phá
- 6) Tổng kết.

Đầu tiên, như văn.

“Hỏi rằng v.v... trở xuống, là phần thứ hai nói về, nghĩa bào chữa v.v... Trong ngoại đạo cho thức là thường: có giải thích: “Thức là tên khác của thần, thống suất, ngự trị là thần. Vì thần phân biệt rõ ràng, gọi thức, nên thần là thường vô nhân.”

Có người giải thích: “Ngoại đạo cũng nói thức là thường, như Tăng-Khư nói: “Thế của giác là thường, giác tức là thức.”

Văn Luận Thành Thật chép rằng: “Tỳ-kheo Sa-Đề chấp có một thức lưu chuyển năm đường, nên thức là thường.”?

“Đáp rằng v.v... trở xuống, là phần thứ ba, phá bào chữa. Đầu tiên, là bác bỏ chung. Có người nói: “Vì không có nghĩa, nên nói là: “Chỉ”.” Kế là, chia ra hai quan điểm để trách ngoại đạo:

“Có” nhân, “vô nhân”: Nhân, gọi là lý do. Nếu có lý do nói thường, tức là “có” nhân, thì không nên nói là vô nhân, nếu không có lý do tức không có việc chứng minh, vì sao biết có? Vì đã không thể biết có tức không có pháp này, đồng với trên ta đã nói rằng, pháp vô nhân không có ở thế gian.”

Hỏi: “Có hai thứ nhân: là phần thứ tư, lại bào chữa, nói chung về nghĩa nhân có hai:

- 1) Tác nhân tức là sinh nhân
- 2) Ngôn thuyết nhân, tức là liễu nhân.

Trên đã nói không có nhân, không có tác nhân, cho nên là thường. Có ngôn thuyết nhân (liễu nhân) là chỉ cho người đối diện biết có pháp này, nên có ngôn thuyết nhân?”

Đáp: “Trên, đồng với vấn nạn của thuyết ta. Nhưng pháp thường có hai thứ liễu nhân:

- 1) Liễu nhân chung, tức là ngôn thuyết.

2) Liễu nhân riêng, như “không” lấy diệt “sắc” làm tướng. Thời vụ, cần thời tiết, khí hậu, đơm hoa, kết trái v.v.. Nay chứng minh chung

có pháp vô nhân, nên nói có liễu nhân chung.”

“Đáp rằng v.v... trở xuống, là phần thứ năm, phá bào chữa v.v... phẩm Lục Chung phá không có hư không, tức là phá không có nhân ngôn thuyết. Lại, tìm hư không chẳng thể được. Ngôn thuyết làm nhân cho ai? (việc còn lại, sẽ phá sau).

Thời, như phẩm thời Niết-bàn, như phẩm Niết-bàn. Thức, như phẩm Hành. Luận này không có phương văn phá, chỉ ở cuối phẩm Tà kiến, có đề cập ánh lửa mặt trời mà thôi.

Hơn nữa, việc hiện thực còn có thể phá, có nghĩa hiện sự là “sáu tình” đến đi.

Sở dĩ phá nghiêng về vi trần là vì hai nhà nội, ngoại đồng lấy vi trần làm gốc của sắc. Nay, chính là phá sắc ấm, nên phá riêng gốc của sắc đó.”

Hỏi: “Vì sao nói rằng vi trần không thể thấy?”

Đáp: “Vì ngoại đạo chấp vi trần không có phần vị mười phương, nên không thể thấy. Như Bách Luận phá phẩm Trần, nội đạo nói mắt thịt không thể thấy được, cho nên nói không thể thấy.”

Chương thứ sáu, như văn.

Hỏi: “Nếu lìa sắc có nhân của sắc v.v... trở xuống, là sinh thứ hai, giải thích về môn chương lìa quả không có nhân. Nghĩa này, thế gian, ngoại đạo, Tiểu thừa, Đại thừa đều nói, lúc chưa có quả, đã có nhân, tức là lìa quả có nhân.

Trong phần đáp, nửa bài kệ trên, chính là phá; nửa bài kệ dưới, là truyền phá.

Văn xuôi nói: “Chỉ ra trong phẩm Phá Duyên ở trước là kết phá phần thứ hai trong bốn duyên, hoặc cho rằng “kệ duyên vô quả.

“Nếu đã có sắc v.v... trở xuống, là phần thứ hai, hai bài kệ, y cứ môn có nhân, không nhân để phá.

Sở dĩ có phá này, là vì ba kệ trước đã nói nhân quả không lìa nhau, nhằm phá nhân quả lìa nhau.

Người ngoài cho rằng: “Quả tất nhiên do nhân, nhân tất nhiên do quả mà có nhân quả” Cho nên, nay phá không lìa nhau của họ.

Văn, chia làm ba:

- 1) Y cứ môn “có” nhân để phá
- 2) Y cứ môn vô nhân để phá.
- 3) Quở trách

Nhân, nghĩa là các phần; quả là thân chung. Nếu trong các phần đã có thân chung, tức không cần đối tượng mà các phần hình thành. Nếu

trong các phần không có thân chung thì dù nhờ các phần, nhưng không bao giờ sinh; nên có nhân, vô nhân, đều không sinh quả.

Phá Tỳ-đàm cho rằng, trong bốn đại đã có sắc: “Có” sắc tức không cần tạo, “không” sắc thì không thể tạo.

Luận Thành Thật chấp: “Trong bốn cực vi đã có bốn đại. “Vốn không có bốn đại, cũng tạo nên trách cứ này.”

Hỏi: “Nếu hai xứ đều không đúng v.v... trở xuống, đây là phá sinh vô nhân. Người ngoài đã nghe nói hai môn “có”, “không” đều không do nhân, tức là rơi vào kiến chấp vô nhân, hỏi:

“Văn xuôi ở trên đã lập ba nhà chủ trương vô nhân, nay, vì sao lại lập nữa?”

Đáp: “Trước kia đã lập pháp “thường” “vô nhân”. Nay, lập “pháp vô thường không có nhân”.”

Hỏi: “Trên đã nói lìa nhân sắc có sắc, cũng là lập vô thường “không có nhân” phải không?”

Đáp: “Trên nói rằng “lìa”, chẳng nói “không”. Ngoại đạo chấp lìa hư trần viên mà là “thường”, không từ nhân sinh.” A-tỳ-đàm nói: “Bảy cực vi sinh A-nậu trần, A-nậu trần tức là có nhân. Bảy cực vi rất tế là không có nhân, khác với ngoại đạo ở chỗ:

- 1) Do bốn đại tạo có nhân tạo ra.
- 2) Vì bị đời đời bởi bốn tướng là nhân cộng hữu (có chung).
- 3) Từ nghiệp khởi nhân quả báo sinh, chỉ “không” phần vị mười phương, đồng với ngoại đạo.”

Luận Thành Thật sư đưa ra 2 cách giải thích:

1) Trong “có”, phân tích mãi không hết, thì tế lại còn có nhân tế lại từ nhân. Đây là đồng với phá hai môn “có”, “không”, ở trên.

2) Giải thích: “Phân tích “có” tức hết, không còn có tế nữa, nên gọi lìa hư, là không có cái do do bốn đại tạo, mà vẫn bị thuyên chuyển bởi ba tướng, vì cực vi tế nên không thể phân tích thành mười phương, mà ở phía Đông của vật thì nói là Tây; ở phía Tây của vật thì nói là Đông, nên có phần vị mười phương. Đây là không có nhân mà có sắc.

Niệm đầu vô minh nương tựa “không” mà khởi. Hai nhà đều là nghĩa tâm không có nhân. Vì trần dùng tâm làm nhân. Tâm không có nhân tức trần cũng không có nhân?”

“Đáp rằng v.v... trở xuống, là quả thẳng chung. Vì pháp Phật không có nghĩa “vô nhân”, nên không cần phá.”

Lại, có nhân còn có thể phá, hướng chi vô nhân. Lại, ở trên đã nói: “Pháp “không có nhân” là cái mà thế gian không có, nên chỉ bác

bỏ chung mà thôi. Cho nên, người có trí không nên phân biệt sắc.

Phần thứ ba, là quả trách phân biệt: Tức “có” nhân, “không có nhân” v.v.. lia nhau, không lia nhau của nhân, quả trên, cho đến phân biệt.

Định có mười một và mười bốn, nay đều quả.

Văn xuôi rằng: “Phân biệt gọi là phàm phu: Dù có thế gian, ngoại đạo, Tiểu thừa, Đại thừa, bốn người này đều lập có sắc, mà phân biệt sắc đều là phàm phu. Vì vô minh ái nhiễm: Đây là nói từ si khởi ái, tức phiền não ái. Sau đó, do tà kiến phân biệt “có”, “không” ba đời, khởi phiền não mới trên “hoặc” cũ. Người như thế vì không thể hoàn tất, nên lại gây thêm “hoặc” mới nữa, tức là bị năm Chiên-đà-la làm hại. Nay, quán năm rốt ráo “không”, tức là mới, hai “hoặc” đều dứt, nên được giải thoát.

Lại nữa, tương tự, không tương tự: Đây là phá môn tương tự, không tương tự thứ ba.

Nhân quả lia nhau, không lia nhau ở trên và môn có nhân, vô nhân, đã nghiên cứu cùng khắp nhưng từ vô thủy đến nay đã có ấm thân này, quán “không” bất thành, tâm “có” thường biểu hiện, nên Luận chủ lại chia ra hai môn để quán sát “không”.

Lại, sở dĩ có chương này là vì người ngoài nói rằng: “Nay, thật thấy sát sinh, thì tuổi thọ ngắn, là nghĩa tương tự.”

Trồng sừng dê, cỏ lau sinh, gieo trồng trái ngược, lông bò, cỏ bò sinh, đây là nghĩa không giống.

Nước, mắt trắng, gương soi, hình tượng là nghĩa giống nhau. Đất sét, bình, chỉ, vải là không giống nhau. Tất cả nhân quả đã có giống nhau, không giống nhau, tức có nhân, quả, đâu được nói đều không có? Nếu đều không có nhân quả thì sẽ rơi vào tà kiến. Thế nên, nay tiếp theo là, phá giống nhau, không giống nhau kia, nói cả hai đều bất thành. Do người ngoài thấy trái ngược là “có”. Nay, vì tìm cái thấy trái ngược “có” của người ngoài không được, nên gọi không có. Nếu lại chấp “không”, trở lại thành thấy trái ngược là “không”.

Hỏi: “Giống nhau, không giống nhau sao lại không thành?”

Đáp: “Thấy thân đối với đầu, chân có chung, riêng khác nhau: một, nhiều là “khác”, làm sao giống nhau? Con người riêng không thành, cái chung của súc sinh vì sao không giống nhau?”

Lại, giống nhau, không giống nhau, cũng là nghĩa “một”, “khác” mà thôi! Đầu, chân và thân là “một”, thân “một”, tức đầu, chân là “một”. Nếu đầu, chân và thân là “khác” thì trừ đầu, chân, lẽ ra có thân

chung.

“Thọ ấm và tướng ấm v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá trái ngược bốn ấm, sắc, và tâm nương tựa nhau:

Trên đã tìm sắc không được, tức tâm không có đối tượng nương tựa, cho nên không có tâm.

Lại, đã dùng ba môn để tìm “sắc” không thể được, nay lại dùng ba môn để tìm “tâm” cũng không thể được.

Năm ấm có ba thứ thứ lớp:

1) Dựa vào Luận Thành Thật nhận trình tự của cảnh: thức được pháp thật; tướng được tên giả; thọ lãnh việc tốt, xấu; hành khởi lên việc thiện, ác.

Theo Tỳ-đàm, có hai thứ thứ lớp:

1) Thứ lớp thô, tế: vì sắc rất thô, nên nói trước. Thọ cảm giác khổ, vui, vì cũng thô, nên kế là nói sắc. Tướng vì chấp lấy tướng mạo, nên kế là nói thọ. Hành khởi tham, giận, vì cũng thô, nên kế là nói tướng. Thức vì chỉ được cảnh xanh, vàng, nên rất tế.

2) Thứ lớp quán hạnh. Từ vô thủy đến nay, nam vì sắc nữ, nữ vì sắc nam, nên trước là quán sắc ấm. Sở dĩ tham sắc là do lạc thọ. Sở dĩ có lạc thọ, là Tướng chấp lấy tướng mạo cho nên chấp lấy tướng mạo là do tâm phân biệt của hành. Sở dĩ có hành là vì căn bản do tâm thức, nên nói thức sau cùng.

Nay, văn này chính là Tỳ-đàm và các kinh đồng nói về nghĩa thứ lớp.

“Nay, người soạn luận vì muốn khen ngợi nghĩa “không” tốt đẹp, mà nói kệ v.v... trở xuống, là phần thứ hai, kế là, nói về khen ngợi “không” tốt đẹp:

Hỏi: “Vì sao đến cuối phẩm này mới khen “không” tốt đẹp ư?”

Đáp:

1) Tùy ký thác ở cuối một phẩm, đều được nói.

2) kinh luận Đại, Tiểu thừa phần nhiều đều y cứ môn ấm để tạo ra môn quán, nên đến phẩm này khen “không” tốt đẹp. Như Tỳ-đàm nói: vì trong ấm không có con người, nên “không”; vì không tự tại nên “vô ngã”, chỉ “nhân không”, bất không ấm”.

Về nghĩa hành của hai bậc thánh của luận Thành Thật. Ở trong chúng sinh, “không” thấy chúng sinh, là hạnh “không”; thấy ấm cũng là hạnh vô ngã, vô vi, Bồ-tát biết người và ấm vốn tự không có, nay cũng chẳng phải “không”. Vì Đại, Tiểu thừa đều căn cứ vào năm ấm để nói về hạnh quán, nên dựa vào phẩm này để khen “không”.

Lại, người ngoài vì có thân, tâm nên đã chịu sự khuất phục của Luận chủ, nay, ngài đã bảo họ hãy quán thân, tâm này rốt ráo không, không bị người khác khuất phục mà có thể khuất phục người khác. Vì thế, nên khen “không”, để cho họ từ bỏ kiến chấp “có” thân, tâm.

Lại, hai mươi bảy phẩm của luận này, phần lớn đều nói ba môn giải thoát. Từ phẩm Nhân Duyên đến phẩm Năm Ấm, đều là môn phá “hữu”, nói “không”. Nay, vì muốn kết luận về nghĩa “không”, nên y cứ cuối phẩm này để khen tốt đẹp về “không”. Từ phẩm Lục chủng trở đi, nói về môn Vô Tướng. Tạo ra phẩm Tác giả trở xuống, là nói về môn Vô tác; vì là ý chính của văn này.”

Hỏi: “Trên đã nói “có” nhân, “không” nhân, cả hai đều không thành. Nay, trong nhân “có” quả, “không” quả đều không thể được.

Nếu vậy thì “hữu” và “không” sẽ không thành hỏi đáp, sao lại nói là chấp “có” không thành hỏi đáp, còn chấp “không” thì thành hỏi đáp?”

Đáp: “Thật sự như điều ông vừa hỏi. Bởi nếu “không” làm cho con người đắc đạo, thì “hữu” cũng giúp con người được đạo, nên trong kinh, đôi khi Phật khen “không” phá “hữu”; có lúc lại khen “hữu” phá “không”, như kinh Niết-bàn rằng: “Nay ông chớ cho là Như lai chỉ tu bản tánh vắng lặng của các pháp, nên đã khen ngợi đại Niết-bàn, gọi là “có” tốt lành!”, mà kẻ mê lầm vì không liễu đạt, nên đều chấp một bên, thành thử cho “hữu” là đúng mà bác “không”; hoặc cho “không” là đúng mà bác “hữu” nên thành tranh luận.

Nay, nói “không”, “hữu” chẳng hai: “Hữu” đúng thì “không” đúng; “không” quấy thì “hữu” quấy. “Không”, “hữu” đã chẳng hai, “không”, “hữu” và chẳng phải “không”, hữu”, cũng không hai. Đã nói “hữu” tức chẳng phải lại “hữu”, nói “không” tức chẳng phải lại “không”, đâu thể đều chấp “không”, “hữu” ư?

Nay, nói “không”, là lý thật tướng của các pháp chẳng dựa vào “không”, tức là trái với lý, hỏi, đáp, há được thành ư?”

Hỏi: “Về mặt lý, đã chẳng phải “không”, “hữu”, thì vì sao tạo nên tên “không” để nói ư?”

Đáp: “Vì vô sở đắc không là phá có đối tượng chứng đây là cách tiết để phá.

Lại, nói về con người có đối tượng chứng đắc, chẳng phải chỉ chấp “hữu” là “có”, mà chấp “không” cũng là “có”. Nay, nói về “không” không có đối tượng chứng đắc, không có cái “không” cũng không có cái “hữu”, cho nên nói là “không” phá hai chấp “không”, “hữu” kia.

Lại, tâm của ngoại đạo, Tiểu thừa, Đại thừa đều có đối tượng

nương tựa. Vì nói có đối tượng thích hợp nên là “hữu”. Nay, vì nói là không có đối tượng nương tựa, không có đối tượng chứng đắc, nên gọi là “không”. Như mười đôi của Niết-bàn là khen không có đối tượng chứng đắc. Không có đối tượng chứng đắc có bốn Vô ngại “có” đối tượng chứng đắc, tức “không”, nên “có” đối tượng chứng đắc, không thành hỏi đáp, không có đối tượng chứng đắc mới thành hỏi đáp.

Vì thế, cho nên bài kệ đầu đã nói về pháp có đối tượng chứng đắc là lỗi của pháp sư. Như chín mươi sáu thứ ngoại đạo, năm trăm bộ phái của Tiểu thừa và Đại thừa có đối tượng chứng đắc, không tỏ ngộ thật tướng của các pháp, tâm có đối tượng nương tựa, nói là có chỗ thích hợp, nên đáp không thành đáp.

Kệ tiếp theo là nói về nghĩa luận có đối tượng chứng đắc, nên người hỏi không thành hỏi. Lại, các Pháp sư đều có hai thứ nghĩa:

- 1) Trình bày chánh
- 2) Phá tà.

Kệ đầu nói về lời đáp của Pháp sư không thành đáp, nên không thể trình bày chánh.

Kệ tiếp theo là nói hỏi không thành hỏi, nên không thể phá tà.

2) Mỗi kệ đều có bốn: Kệ đầu bốn: câu đầu nói: “Nếu có người hỏi.”, nghĩa là lời hỏi giả thiết. Câu thứ hai: là “giả thiết ý đáp”. Câu thứ ba, là nói về đáp không thành đáp. Câu thứ tư, đáp đồng với nghi vấn.

Kệ thứ hai cũng có bốn ý: Câu đầu nói: “Nếu có người vấn nạn.”, là giả thiết muốn hỏi. Câu thứ hai, chính là nói phát câu hỏi. Câu thứ ba, hỏi không thành hỏi. Câu thứ tư, hỏi đồng với nghi đáp.”

Văn xuôi chia làm hai: Đầu tiên, là giải thích văn của hai bài kệ. Kế là, giải thích nói ý của hai bài kệ.

Phần đầu, lại chia làm hai: Trước, nói chẳng nương tựa “không”, không thành hỏi, đáp. Kế là, nói nương dựa “không”, thì thành hỏi đáp.

Trước kia, đã giải thích chung hai bài kệ.

“Như có người nói: “Bình là vô thường v.v... trở xuống, là giải thích riêng về hai bài kệ, tức là hai. Chấp vô thường là lối chấp của người Nhị thừa, Đại, Tiểu thừa của hai đạo nội, ngoại, mà chính là người nội đạo.

Đáp từ nhân vô thường sinh: Bình vì từ bốn cực vị tổ hợp thành, nên bình là vô thường. Vì giả hoà hợp nên “có”; tức duyên lìa cho nên “không”. Luận Địa trì nói: “Đây là vô thường không Thành Thật, phần

hiều là Đại thừa nói. Nếu dựa vào môn thể tướng củA-tỳ-đàm mà đáp, thì bình bị bốn tướng đời đời, cho nên vô thường.”

Nếu theo lời đáp của người Thành Thật, thì do chấp lấy phiền não mà chiêu cảm tất cả pháp vô thường trong sinh tử.

Đối với Nhân Duyên cũng có người hoài nghi, ở đây có hai lỗi tiến lùi: Nếu “nhân” là vô thường, thì cùng với “quả” đồng nghi. Nếu nhân là “thường”, thì quả cũng “thường”, tức có lỗi của lời nói trái. Nay, lại trách ba nghĩa trên: như do bốn cực vi “duyên” thành, nên vô thường. Vì sao bốn cực vi là vô thường ư? cho đến trách chấp tướng cũng vậy. Như luận Trí Độ trách Tỳ-đàm: “Các pháp từ bốn duyên sinh, cái gì lại sinh bốn duyên ư? Nếu lại có chỗ từ, thì sẽ rơi vào vô cùng. Nếu không có chỗ từ, thì sẽ rơi vào “vô nhân”, vô nhân tức là “thường”.

Lại, “duyên” đã không từ “duyên”, tức “quả” cũng không từ “duyên”.

“Nếu muốn nói lỗi của ngoại đạo kia v.v... trở xuống, là giải thích bài kệ thứ hai: Ở trên, đã nói bình là vô thường, là nghĩa của nội đạo. Nay, nói người Đại, Tiểu thừa chấp bình “vô thường”, là vì muốn phá ngoại đạo chấp bình là “thường”, mà trái lại, bị ngoại đạo phá.

Trên, đã nói không thể trình bày chánh. Nay, sẽ nói không thể phá tà, vì người Tăng khư nói khi các thứ quả sinh, thì các thứ nhân không tiêu mất, nên bình là “thường”. Trong phẩm phá nhân có quả của Bách Luận, người ngoài nói: “Nếu các pháp chỉ là “thường”, không có vô thường, thì có lỗi gì ư?”, cho nên biết ngoại đạo lập bình là “thường”.

Lại, hai mươi lăm đế của ngoại đạo từ tế đến thô, từ thô đến tế, đều không có lỗi, tức “thường”, là tông chỉ lớn của họ, nên cần phải y cứ “thường” để nói về vô thường:

Ông nhân vô thường để phá “ngã” thường: Nội đạo nói rằng: “Hiện thấy bình vô thường, sao nói là “thường”?”. Nay ngoại đạo nhắc lại nêu vấn nạn này của nội đạo.

“Tôi cũng nhân “thường” để phá “vô thường” của ông: “lập có tánh vì không mất cho nên “thường”, nhằm phá sinh, diệt vô thường của nội đạo: Nếu sinh diệt vô thường, thì đất sét diệt trước, cái gì hình thành quả bình? Cho nên mất đi quả báo của nghiệp. Lại, mất và bình đều cùng có niệm diệt, thì làm sao mắt ông có thể thấy được bình? Là vô thường ư? vì Ngã có tánh không mất, nên hai nghĩa đều thành. Lại, sáu căn không thể chấp lấy sáu trần, tức mất mười hai nhập, nên các pháp nhất định vô thường, tất cả pháp đều hoại. Lại, mất niệm niệm diệt, sao ông thấy được tôi định vấn nạn tôi ư? Ông muốn vấn nạn tôi, mà tôi đã

hoàn toàn dứt diệt, thì làm sao nhận vấn nạn của ông ư? Miệng cũng vô thường, sao được lay động khẩu nghiệp mà nói nghĩa ư?”, nên chấp mắc vấn nạn của ngoại đạo.”

“Nếu dựa vào “không” để phá thường v.v... trở xuống, là phần thứ hai, nói dựa vào “không” mà thành hỏi đáp, tức là Đề Bà phá lời nói của ngoại đạo mà không đáng phá, mà không chấp. Không lập vô thường để xa phá ngoại đạo. Vì nếu xa phá ngoại đạo, thì nội đạo có thể khuất phục ngoại đạo. Không tự lập vô thường thì sẽ không bị ngoại đạo khuất phục.

“Chẳng chấp tướng “không”: Đây là do giải thích hoài nghi mà có. Đã nói dựa vào “không” để phá “thường”, tức có “không” đáng nương tựa, lại bị ngoại đạo khuất phục. Vì thế, nên nay nói: Chẳng chấp tướng “không”, cho đến bốn câu tâm không có chỗ nương tựa.”. Cho nên, nếu muốn hỏi đáp, là phần thứ hai, giải thích ý hai bài kệ. Việc hỏi, đáp của thế gian, còn phải dựa vào “không”, hướng chi cầu chí đạo mà tồn tại cái “có” ư? Chẳng phải chỉ cầu đạo mà hễ muốn ngồi thiền lễ Phật, sám hối, đều phải dựa vào “không có đối tượng chứng đắc”.

Lại, trên đã y cứ hai nghĩa thường, vô thường để luận về được, mất, vạn nghĩa cũng so sánh như vậy. Như năm trăm bộ đều có đối tượng chấp, nên không thành hỏi đáp, chín mươi sáu đạo đều có đối tượng chấp, nên không thành hỏi đáp.

Như đời nay, người học Đại, Tiểu thừa đều có đối tượng chấp, nên không thành hỏi đáp.”

